Chi tiết mã HS 2852.10.20

Mã HS	2852.10.20
Mô tả hàng hóa	Các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của thủy ngân, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học, trừ hỗn hống / - Được xác định về mặt hóa học: / - - Các hợp chất của thủy ngân được dùng như chất phát quang
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 16:00:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28521020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3753
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3753
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3753
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3739
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3700
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3700
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3700
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3700
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3700
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3700
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3738
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3738

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3738
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3738
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3738
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3738
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3742
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3742
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3742
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3742
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3742
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3742
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3742
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3706
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3702
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3702
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3702
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3702
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3702
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3702
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3702
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3702
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3702
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3702
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3702
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3702
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3749
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3749

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3749
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3749
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3749
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3749
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3746
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3746
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3746
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3746
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3746
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3746
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3754
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3754
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3754
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3754
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3754
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3754
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3725
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3725
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3725
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3725
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3725
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3725
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3727
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3727
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3727
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3727

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3727
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3727
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3725
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3725
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3725
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3725
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3725
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3725
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3725
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3746
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3746
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3746
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3746
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3746
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3746
RCEP B	2022	2022	0	B!D3746
RCEP B	2023	2023	0	B!E3746
RCEP B	2024	2024	0	B!F3746
RCEP B	2025	2025	0	B!G3746
RCEP B	2026	2026	0	B!H3746
RCEP B	2027	2027	0	B!I3746
RCEP C	2022	2022	0	C!D3746
RCEP C	2023	2023	0	C!E3746
RCEP C	2024	2024	0	C!F3746
RCEP C	2025	2025	0	C!G3746
RCEP C	2026	2026	0	C!H3746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3746
RCEP D	2022	2022	0	D!D3746
RCEP D	2023	2023	0	D!E3746
RCEP D	2024	2024	0	D!F3746
RCEP D	2025	2025	0	D!G3746
RCEP D	2026	2026	0	D!H3746
RCEP D	2027	2027	0	D!I3746
RCEP E	2022	2022	0	E!D3749
RCEP E	2023	2023	0	E!E3749
RCEP E	2024	2024	0	E!F3749
RCEP E	2025	2025	0	E!G3749
RCEP E	2026	2026	0	E!H3749
RCEP E	2027	2027	0	E!I3749
RCEP F	2022	2022	0	F!D3746
RCEP F	2023	2023	0	F!E3746
RCEP F	2024	2024	0	F!F3746
RCEP F	2025	2025	0	F!G3746
RCEP F	2026	2026	0	F!H3746
RCEP F	2027	2027	0	F!I3746
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3433
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3433
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3433
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3433

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2852.10 có 3 dòng thuế; dòng 2852.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các hợp chất của thủy ngân được dùng như chất phát quang.	2852.10.10 Thủy ngân sulphat; 2852.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2852.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2852.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3753), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.